

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 131/2019/HSPT
Ngày 11-4-2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Văn Toàn.

Các Thẩm phán:

1. Ông Trương Công Bình
2. Ông Hoàng Kim Khánh

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Duy Nguyên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thủy - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 11/4/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 107/2019/HSPT ngày 06/3/2019, đối với bị cáo Huỳnh Thanh Q cùng đồng bọn, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 25/2019/HSST, ngày 28/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Huỳnh Thanh Q**, sinh năm 1971 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: thôn 6, xã HP, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; con ông Huỳnh L và bà Huỳnh Thị N (đều đã chết); có vợ là Nguyễn Thị T và có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1992, con nhỏ nhất sinh năm 1999; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/7/2018 đến ngày 04/8/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (vắng mặt).

2. Họ và tên: **Trần Thanh L**, sinh năm 1988 tại tỉnh Thái Nguyên; nơi cư trú: thôn B1, xã Buôn C, huyện KN, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Trần Văn H và bà Phạm Thị Phương L; có vợ là Nguyễn Hà Phương T; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/7/2018 đến ngày 04/8/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh (có mặt).

3. Họ và tên: **Trần Đình T**, sinh năm 1993 tại tỉnh Đắk Nông; nơi cư trú: thôn 6, xã TS, huyện J, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Trần Đình N và bà Điền Thị H; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/7/2018 đến ngày 04/8/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh (có mặt).

4. Họ và tên: **Nguyễn Hà Phương T1**, sinh năm 1997 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: tổ dân phố 7, thị trấn ET, huyện J, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: sinh viên; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn T và bà Hà Thị Ngọc T; có chồng là Trần Thanh L; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/7/2018 đến ngày 04/8/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh (có mặt).

5. Họ và tên: **Phạm Thị C1**, sinh năm 1959 tại tỉnh Quảng Bình; nơi ĐKKHKT: 65 NC, phường TA, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nơi cư trú: 22/2 MM, phường TT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; con ông Phạm Ngọc C và bà Nguyễn Thị N (đều đã chết); có chồng là Thái Công T (hiện đã ly hôn) và có 02 con, con lớn sinh năm 1987, con nhỏ sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 28/6/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc” tại Bản án số 204/2012/HSST.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/7/2018 đến ngày 04/8/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

6. Họ và tên: **Trương Thị H**, sinh năm 1957 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: tổ dân phố 2, phường EA, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: 02/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa giáo; con ông Trương Văn T (đã chết) và bà Trịnh Thị T; có chồng là Nguyễn Tấn Q và có 05 con, con lớn nhất sinh năm 1977, con nhỏ nhất sinh năm 1985; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 26/01/2006, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc” tại Bản án số 16/2006/HSST.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/7/2018 đến ngày 04/8/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 10 phút ngày 25/7/2018, Phạm Thị C1, Trương Thị H, Huỳnh Thị V đến nhà của vợ chồng Huỳnh Thanh Q (tại số 80, thôn 6, xã HP, thành phố

B, tỉnh Đắk Lắk) để chơi. Tại đây, C1, H, V và Q cùng rủ nhau đánh bạc với hình thức chơi bài Xì lát được tất cả đồng ý. Sau đó, Q lấy 01 chăn màu đỏ trải dưới nền căn phòng bếp trong nhà của Q và lấy ra số tiền 5.400.000đ sử dụng tham gia đánh bạc khi chơi; C1 mang theo số tiền 9.500.000đ và lấy ra số tiền 500.000đ để sử dụng đánh bạc (số tiền còn lại C1 dùng để mua máy giặt); H mang theo số tiền 600.000đ để sử dụng đánh bạc. Q, C1, H và V bắt đầu chơi đánh bạc từ khoảng 14 giờ 15 phút, một lúc sau có 02 người phụ nữ (chưa xác định được nhân thân lai lịch) cùng vào tham gia đánh bạc. Đến khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày, khi Q, C1, H, V và 02 người phụ nữ đang đánh bạc với nhau thì có Nguyễn Hà Phương T1, Trần Thanh L, Trần Đình T đến và cùng tham gia đánh bạc. Lúc này, 02 người phụ nữ (chưa xác định được nhân thân lai lịch) bỏ về trước. Lúc này, Q là người cầm cái Xì lát. C1, H, T và V chơi riêng mỗi người một tụ, T1 cùng L chơi chung một tụ. T mang theo trong người số tiền 700.000đ, L mang theo số tiền 5.000.000đ để sử dụng đánh bạc. T1 mang theo số tiền 2.900.000đ không sử dụng để đánh bạc mà để trả tiền phòng trọ. Quá trình đánh bạc, Q bị thua hết tiền nên tiếp tục lấy ra số tiền 5.000.000đ và sử dụng hết vào việc đánh bạc. Trong quá trình chơi đánh bạc, các con bạc không đặt ra việc thu tiền xâu. Đến khoảng 16 giờ 10 phút cùng ngày, khi các con bạc đang sát phạt nhau thì bị Công an thành phố Buôn Ma Thuột phát hiện bắt quả tang. Lúc này, Huỳnh Thị V bị ngắt xiu nên Cơ quan Công an giao cho gia đình đưa đi cấp cứu, sau đó V bỏ trốn. Vật chứng Cơ quan điều tra thu giữ tại sòng bạc tổng số tiền 8.800.000đ, 02 bộ bài Tú Lơ Khơ, 01 chăn màu đỏ và tạm giữ trên người các con bạc các tài sản gồm:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, model 105, số ime 357825063026263 của Huỳnh Thanh Q;

- Số tiền 9.150.000đồng (trong đó số tiền 150.000đồng là tiền Phạm Thị C1 sử dụng để đánh bạc, còn số tiền 9.000.000 đồng không sử dụng để đánh bạc) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 5, màu bạc, số imei: 990002875210906 của Phạm Thị C1;

- Số tiền 400.000đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, model: 101, màu xanh, số imei: 354554/05/648950/1 của Trương Thị H;

- Số tiền 2.900.000đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7plus, màu đen, số imei: 356572081731273 của Nguyễn Hà Phương T1;

- Số tiền 4.000.000đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 5S, màu vàng, số imei: 352086078979930 của Trần Thanh L;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7, màu vàng, số imei: 359752072381836/01 của Trần Đình T.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 25/2019/HSST ngày 28/01/2019, của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

1. Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Thanh Q, Trần Thanh L, Nguyễn Hà Phương T1, Trần Đình T, Phạm Thị C1 và Trương Thị H phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Huỳnh Thanh Q 01** (một) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/7/2018 đến ngày 03/8/2018.

Xử phạt bị cáo **Trần Thanh L 09** (chín) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/7/2018 đến ngày 03/8/2018)

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hà Phương T1** 09 (chín) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/7/2018 đến ngày 03/8/2018.

Xử phạt bị cáo **Phạm Thị C1** 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/7/2018 đến ngày 03/8/2018.

Xử phạt bị cáo **Trương Thị H 06** (sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/7/2018 đến ngày 03/8/2018.

Xử phạt bị cáo **Trần Đình T 06** (sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/7/2018 đến ngày 03/8/2018).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, các biện pháp tư pháp, án phí và tuyên quyền kháng cáo cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 29/01/2019 bị cáo Huỳnh Thanh Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 31/01/2019 và ngày 14/02/2019 bị cáo Trương Thị H và Phạm Thị C1 kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 14/02/2019 bị cáo Nguyễn Hà Phương T1, Trần Thanh L, Trần Đình T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo L, C1, T, T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng, bản án sơ thẩm và các tài liệu thu thập có trong hồ sơ.

Các bị cáo Q, H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt; xét thấy việc vắng mặt của các bị cáo không làm ảnh hưởng tới việc xét xử phúc thẩm nên căn cứ Điều 351 Bộ luật Tố tụng Hình sự xét xử vắng mặt các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và cho rằng mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với các bị cáo Q, L, T, T1, H, C1 là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng

Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 25/2019/HSST ngày 28/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo L, T, C1, T1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng với nội dung của bản án sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định: Vào khoảng 14 giờ 10 phút ngày 25/7/2018, tại nhà của bị cáo Huỳnh Thanh Q (tại số 80, thôn 6, xã HP, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk), các bị cáo Huỳnh Thanh Q, Trần Thanh L, Trần Đình T, Nguyễn Hà Phương T1, Phạm Thị C1, Trương Thị H đã có hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh bài Xì lát và bị Công an thành phố Buôn Ma Thuột bắt quả tang, thu giữ tại sòng bạc tổng số tiền 8.800.000đ. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[2] Xét mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo Huỳnh Thanh Q, Trần Đình T, là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nên căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Đối với bị cáo Phạm Thị C1, Trương Thị H hiện nay đều lớn tuổi, tham gia đánh bạc với số tiền không lớn. Bị cáo Trần Thanh L sau khi xét xử sơ thẩm cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới có ông ngoại là liệt sĩ nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt là phù hợp.

[4] Xét mức hình phạt 09 tháng mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo Nguyễn Hà Phương T1 và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội là có phần nghiêm khắc. Bị cáo hiện đang mang thai, khi tham gia đánh bạc bị cáo không sử dụng tiền mang theo để đánh bạc mà chỉ chơi chung tụ với bị cáo L (chồng bị cáo) nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo và không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo.

[3] Về án phí: Do không được chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo Huỳnh Thanh Q, Trần Đình T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Phạm Thị C1, Trương Thị H, Trần Thanh L, Nguyễn Hà Phương T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào Điều 351; điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng tiền án phí.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Thanh Q, Trần Đình T.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trương Thị H, Phạm Thị C1, Trần Thanh L.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hà Phương T1.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Bị cáo **Huỳnh Thanh Q** 01 (một) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 25/7/2018 đến ngày 03/8/2018.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Đình T** 06 (Sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 25/7/2018 đến ngày 03/8/2018.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Bị cáo **Trương Thị H** 04 (Bốn) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 25/7/2018 đến ngày 03/8/2018.

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Thị C1** 04 (Bốn) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 25/7/2018 đến ngày 03/8/2018.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Bị cáo **Trần Thanh L** 07 (Bảy) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 25/7/2018 đến ngày 03/8/2018.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Hà Phương T1** 07 (Bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách là 01 năm 02 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Hà Phương T1 cho UBND thị trấn ET, huyện J, tỉnh Đắk Nông để giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Về án phí:

Các bị cáo Huỳnh Thanh Q, Trần Đình T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Trương Thị H, Phạm Thị C1, Trần Thanh L, Nguyễn Hà Phương T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- THA Hình sự Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trịnh Văn Toàn